

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét
cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024



MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 – 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 – 44

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP (“Công ty”) hân hạnh đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét của Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các Công ty con (gọi chung là “Tổng Công ty”) cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

1. Thông tin chung

Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 09 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 06 năm 2017.

- Loại cổ phiếu: cổ phiếu phổ thông
- Mã chứng khoán: TVT
- Mệnh giá: 10.000 VND/cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu niêm yết: 21.000.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 210.000.000.000 VND

Trụ sở chính của Công ty:

- Địa chỉ : 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Điện thoại : 028 3896 9337 – 3896 0543
- Fax : 028 3896 9319

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong 06 tháng đầu năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

2. Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Quản lý điều hành trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó chủ tịch
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên
Ông Điều Chí Hảo	Thành viên
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên
Bà Đào Thị Nội	Thành viên

Ban Quản lý điều hành

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc
Ông Lê Nguyên Ngọc	Phó Tổng Giám đốc (không chuyên trách)
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này là Ông Nguyễn Quang Minh – Tổng Giám đốc.

3. Đánh giá tình hình kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024 và tình hình tài chính vào cùng ngày này được thể hiện trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

5. Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán AFC Việt Nam được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

6. Công bố trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc đối với Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

7. Công bố các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ban Tổng Giám đốc công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty vào ngày 30 tháng 06 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cùng với bản thuyết minh đính kèm cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2024, phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



Ông NGUYỄN QUANG MINH

Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024



Công ty TNHH Kiểm Toán AFC Việt Nam
AFC Vietnam Auditing Co., Ltd.

Thành viên tập đoàn PKF Quốc tế
Member firm of PKF International



Số: 276/2024/BCSXHN-HCM.01074

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các cổ đông

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Việt Thắng - CTCP và các công ty con (gọi chung là "Tổng Công ty"), được lập ngày 26 tháng 08 năm 2024, từ trang 05 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.



TRANG ĐẮC NHA
Phó Tổng Giám đốc

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2023-009-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN				
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		957.538.514.756	974.264.157.379
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	143.887.477.561	156.362.612.466
Tiền	111		141.872.683.040	155.362.612.466
Các khoản tương đương tiền	112		2.014.794.521	1.000.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		27.000.000.000	109.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.2.1	27.000.000.000	109.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		204.434.047.439	198.820.089.760
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	204.382.416.157	191.293.681.982
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		5.637.467.612	7.734.489.489
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	2.000.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	5.4.1	3.673.105.900	7.050.860.519
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	5.5	(9.258.942.230)	(9.258.942.230)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
Hàng tồn kho	140	5.6	551.056.835.540	486.583.345.728
Hàng tồn kho	141		559.676.677.303	495.203.187.491
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(8.619.841.763)	(8.619.841.763)
Tài sản ngắn hạn khác	150		31.160.154.216	23.498.109.425
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.7.1	12.979.666.007	2.921.746.852
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.483.553.131	15.145.027.021
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.13	3.696.935.078	5.431.335.552
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		446.589.617.314	482.035.780.290
Các khoản phải thu dài hạn	210		110.000.000	100.000.000
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	5.4.2	110.000.000	100.000.000
Tài sản cố định	220		364.537.677.215	368.498.292.881
Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	364.130.718.215	368.033.196.881
Nguyên giá	222		1.725.913.362.320	1.688.393.870.044
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.361.782.644.105)	(1.320.360.673.163)
Tài sản cố định vô hình	227	5.9	406.959.000	465.096.000
Nguyên giá	228		1.721.142.808	1.721.142.808
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.314.183.808)	(1.256.046.808)
Bất động sản đầu tư	230	5.10	39.218.929.190	40.138.471.309
Nguyên giá	231		100.645.158.769	99.345.324.219
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(61.426.229.579)	(59.206.852.910)
Tài sản dở dang dài hạn	240		3.709.970.444	38.783.057.155
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.11	3.709.970.444	38.783.057.155
Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		12.849.840.281	12.597.463.901
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	5.2.2	8.249.840.281	7.997.463.901
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	5.2.3	4.600.000.000	4.600.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
Tài sản dài hạn khác	260		26.163.200.184	21.918.495.044
Chi phí trả trước dài hạn	261	5.7.2	24.708.423.588	20.463.718.448
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		1.454.776.596	1.454.776.596
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.404.128.132.070	1.456.299.937.669

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ	300		847.621.146.104	880.434.030.178
Nợ ngắn hạn	310		748.934.362.270	776.118.525.082
Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	133.802.158.885	139.808.287.980
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10.201.860.407	7.004.502.475
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.13	15.699.985.837	1.597.614.978
Phải trả người lao động	314		16.991.219.947	14.678.420.379
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.260.918.729	4.701.945.487
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	5.14.1	40.358.010.117	140.021.756.386
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.15.1	525.058.157.436	463.144.334.922
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng và phúc lợi	322		2.562.050.912	5.161.662.475
Nợ dài hạn	330		98.686.783.834	104.315.505.096
Phải trả dài hạn khác	337	5.14.2	28.802.855.318	27.241.055.318
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.15.2	69.883.928.516	77.074.449.778
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		556.506.985.966	575.865.907.491
Vốn chủ sở hữu	410	5.16	556.506.985.966	575.865.907.491
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		210.000.000.000	210.000.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		3.062.727.273	3.062.727.273
Cổ phiếu quỹ	415		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418		59.042.458.985	59.042.458.985
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		224.887.423.473	242.430.972.214
LNST chưa phân phối năm trước	421a		221.057.185.777	230.351.696.143
LNST chưa phân phối năm nay	421b		3.830.237.696	12.079.276.071
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		59.514.376.235	61.329.749.019
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.404.128.132.070	1.456.299.937.669



HOÀNG THỊ THUY VÂN
Người lập



DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng




NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ


Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		776.231.276.791	783.445.272.234
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		14.268.099	1.071.837.651
Doanh thu thuần	10	6.1	776.217.008.692	782.373.434.583
Giá vốn hàng bán	11	6.2	686.885.286.208	714.172.351.503
Lợi nhuận gộp	20		89.331.722.484	68.201.083.080
Doanh thu hoạt động tài chính	21	6.3	4.045.373.183	13.634.798.476
Chi phí tài chính	22	6.4	22.720.165.202	26.265.777.970
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		16.686.832.859	23.931.680.180
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	24		252.376.380	766.632.721
Chi phí bán hàng	25	6.5	7.758.339.463	8.025.371.733
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	58.669.570.710	43.762.862.897
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	30		4.481.396.672	4.548.501.677
Thu nhập khác	31		1.508.905.641	858.901.000
Chi phí khác	32		130.616.811	219.853.630
Lợi nhuận khác	40		1.378.288.830	639.047.370
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		5.859.685.502	5.187.549.047
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		2.890.195.590	1.812.778.666
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.969.489.912	3.374.770.381
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		3.830.237.696	3.682.557.503
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(860.747.784)	(307.787.122)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.7	174	162


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
 Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
 Kế toán trưởng




NGUYỄN QUANG MINH
 Tổng Giám đốc
 TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Mã số	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	5.859.685.502	5.187.549.047
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao tài sản cố định	02	50.980.862.890	49.462.219.458
Các khoản dự phòng/ (hoàn nhập)	03	-	1.356.635.371
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm	04	1.582.302.011	(435.572.011)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(1.943.356.622)	(9.492.175.536)
Chi phí lãi vay	06	16.686.832.859	23.931.680.180
Lợi nhuận KD trước những thay đổi vốn lưu động	08	73.166.326.640	70.010.336.509
(Tăng)/giảm các khoản phải thu	09	(1.134.169.078)	2.233.144.472
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(64.473.489.812)	24.260.399.576
Tăng/ (giảm) các khoản phải trả	11	(114.841.458.434)	(115.804.642.019)
(Tăng)/ giảm chi phí trả trước	12	(12.983.497.850)	(14.032.398.784)
Tiền lãi vay đã trả	14	(16.734.817.550)	(24.401.501.552)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(1.353.544.119)	(1.086.161.486)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17	(2.973.398.000)	(419.956.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(141.328.048.203)	(59.240.780.007)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(12.002.153.509)	(5.512.453.758)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và TSDH khác	22	256.481.481	474.318.182
Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	(34.700.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của ĐV khác	24	84.000.000.000	325.000.000.000
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	4.128.461.327	22.535.134.889
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	76.382.789.299	307.796.999.313
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	548.278.680.275	489.879.468.118
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(493.921.333.132)	(851.760.139.938)
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(954.625.000)	(53.333.487.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	53.402.722.143	(415.214.159.320)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG KỲ			
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	50	(11.542.536.761)	(166.657.940.014)
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	60	156.362.612.466	270.070.377.523
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(932.598.144)	643.174.471
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	143.887.477.561	104.055.611.980


HOÀNG THỊ THỦY VÂN
 Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
 Kế toán trưởng

NGUYỄN QUANG MINH
 Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty bao gồm: Công ty mẹ là Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP và các công ty con là Công ty Cổ phần May Việt Thắng, Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An và các công ty liên doanh, liên kết là Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I, Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh, Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tổng Công ty Việt Thắng – CTCP ("Công ty") là công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 09 ngày 09 tháng 9 năm 2022 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Cổ phiếu của Công ty có mã chứng khoán là TVT được niêm yết trên Sàn giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định 223/QĐ-SGDHCM ngày 27 tháng 06 năm 2017.

Trụ sở chính của Công ty tại địa chỉ: 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất, thương mại và dịch vụ.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất vải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp (Dịch vụ lắp ráp, lắp đặt không phải là dịch vụ xây dựng) (không hoạt động tại trụ sở);
- Sản xuất bông, xơ, sợi;
- Kinh doanh bất động sản (trừ đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Thực hiện quyền xuất khẩu, quyền nhập khẩu, quyền phân phối bán buôn các hàng hóa không thuộc diện danh mục hàng hóa không được phân phối theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc không thuộc diện hạn chế theo cam kết quốc tế trong các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. Bao gồm: Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt trong xây dựng; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác; bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép; bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng ô tô (trừ hóa lỏng khí để vận chuyển);
- Thoát nước và xử lý nước thải;
- Thu gom rác từ các đơn vị sản xuất trong khuôn viên Công ty để về điểm tập kết xử lý (trừ hoạt động thu gom rác thải trực tiếp từ hộ gia đình);
- Hoạt động của các căng tin (trừ hoạt động quán bar và quán giải khát có khiêu vũ);
- Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan;
- Cung cấp nước trong khu công nghiệp phục vụ sản xuất;
- Sản xuất sản phẩm dệt may;
- Sản xuất điện (không hoạt động tại trụ sở);
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán điện cho người sử dụng (trừ truyền tải, điều độ hệ thống điện quốc gia và quản lý lưới điện phân phối, thủy điện đa mục tiêu, điện hạt nhân);
- Khám bệnh, chữa bệnh chuyên khoa nội tổng hợp (trừ lưu trú bệnh nhân).

Trong 06 tháng đầu năm 2024, hoạt động chính của Công ty là sản xuất và mua bán sản phẩm bông, xơ, sợi, vải và sản phẩm may mặc; hoạt động thoát nước và xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; hoạt động của các căng tin; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

1.5 Cấu trúc của Tổng Công ty

Danh sách các công ty con; công ty liên doanh, liên kết được hợp nhất tại ngày 30 tháng 06 năm 2024 như sau:

Các công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty Cổ phần May Việt Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất hàng may mặc, gia công may	52,27%	52,27%
– Công ty Cổ phần Nguyên phụ liệu Dệt May Bình An	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và mua bán phụ liệu ngành dệt may	58,55%	58,55%

Các Công ty liên doanh, liên kết

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ phần sở hữu
– Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại áo cao cấp	50,00%	50,00%
– Công ty Cổ phần Thương mại Dệt – May TP. Hồ Chí Minh	96 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất mua bán nguyên vật liệu ngành dệt	20,00%	20,00%
– Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất các loại quần áo thời trang	35,00%	18,29%

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Các số liệu trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024 so sánh được với số liệu tương ứng của kỳ trước.

1.7 Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, tổng số nhân viên của Tổng Công ty là 1.487 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 1.557 người).

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**2.1 Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

2.2 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3.2 Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

4.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

4.2 Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Mẹ và báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty Mẹ kiểm soát cho đến ngày lập báo cáo hàng kỳ. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Mẹ có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tổng Công ty chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một năm tài chính và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty mẹ và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu thuộc phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Hợp nhất kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4.3 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Tỷ giá giao dịch thực tế khi mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tổng Công ty và ngân hàng.
- Nếu hợp đồng không quy định tỷ giá thanh toán:
 - Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
 - Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
 - Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng nơi Tổng Công ty mở tài khoản ngoại tệ).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh (ngân hàng Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch).

4.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

4.5 Các khoản đầu tư tài chính

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tổng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.6 Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tổng Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Tổng Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

4.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Sản phẩm dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính dựa trên mức độ hoạt động bình thường.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

4.8 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm các chi phí sau:

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ

Chi phí bảo hiểm rủi ro tài sản, chi phí sửa chữa và công cụ dụng cụ được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong khoảng thời gian không quá 12 tháng kể từ khi phát sinh.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

4.9 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm trích khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 38 năm
Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
Phương tiện vận tải	05 – 08 năm
Thiết bị quản lý	03 – 09 năm

4.10 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 5 năm.

4.11 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Bất động sản đầu tư (tiếp theo)

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

Loại tài sản cố định
Nhà cửa

Số năm
05 – 25 năm

4.12 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

4.13 Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4.14 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

4.15 Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

4.16 Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hóa và thành phẩm

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tổng Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu về cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm giá trị khoản đầu tư.

4.17 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

4.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành và thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tổng Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tổng Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi:

Các báo cáo thuế của các công ty trong Tổng Công ty sẽ được kiểm tra bởi cơ quan thuế. Do sự áp dụng của luật thuế cho từng loại nghiệp vụ và việc giải thích, hiểu cũng như chấp thuận theo nhiều cách khác nhau nên số liệu của báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ khác với số liệu của cơ quan thuế.

4.19 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

4.20 Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

4.21 Công cụ tài chính

Tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tổng Công ty gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác và đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, chi phí phải trả và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính và trái phiếu chuyển đổi được ghi nhận theo giá phân bổ, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Nợ phải trả tài chính (tiếp theo)

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tổng Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tổng Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

4.22 Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Các công ty / cá nhân sau đây được xem là các bên có liên quan:

Công ty / đối tượng	Quan hệ
Tập đoàn Dệt may Việt Nam	Cổ đông lớn
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	Công ty liên doanh
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may Thành phố Hồ Chí Minh	Công ty liên kết
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	Công ty liên kết
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	Thành viên chủ chốt

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	30/06/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt tồn quỹ	786.601.410	1.108.303.769
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	141.086.081.630	154.254.308.697
Các khoản tương đương tiền	2.014.794.521	1.000.000.000
	143.887.477.561	156.362.612.466

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tổng Công ty như sau:

5.2.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn				
Tiền gửi có kỳ hạn (*)	27.000.000.000	27.000.000.000	109.000.000.000	109.000.000.000
	27.000.000.000	27.000.000.000	109.000.000.000	109.000.000.000

(*) Là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 06 đến 12 tháng tại các ngân hàng và Công ty tài chính với lãi suất 4,70% - 8,00%/năm.

Tại ngày 30/06/2024, tiền gửi tiết kiệm tại Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh được cầm cố cho khoản vay của Tổng Công ty là 2.000.000.000 VND, kỳ hạn 12 tháng với lãi suất 4,7%/năm – Xem thêm mục 5.15.1.

5.2.2 Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND	Giá gốc VND	Giá trị theo phương pháp vốn chủ sở hữu VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I (1)	6.028.821.867	6.175.513.325	6.028.821.867	6.053.867.340
Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh (2)	9.000.000.000	-	9.000.000.000	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng (3)	1.646.505.000	2.074.326.956	1.646.505.000	1.943.596.561
	16.675.326.867	8.249.840.281	16.675.326.867	7.997.463.901

- (1) Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300787331 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 20/02/2012. Tổng Công ty sở hữu 50,00% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Việt Thắng – Luch I.
- (2) Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305386118 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 18/12/2007. Tổng Công ty sở hữu 20,00% vốn điều lệ tại Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh.
- (3) Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0312527930 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 30/10/2013. Tổng Công ty sở hữu 18,29% vốn điều lệ tại Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng.

Tình hình hoạt động của các công ty liên doanh, liên kết trong kỳ

- Công ty Cổ phần Thương mại Dệt may TP. Hồ Chí Minh: đã tạm ngưng hoạt động từ ngày 08 tháng 08 năm 2022 theo Quyết định phá sản 1198/2022/QĐ-TBPS ngày 08/08/2022 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.
- Các công ty liên doanh, liên kết khác đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Tình hình biến động các khoản đầu tư góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tại ngày đầu kỳ	7.997.463.901	7.316.324.435
Lãi trong công ty liên doanh, liên kết	252.376.380	766.632.721
Tại ngày cuối kỳ	8.249.840.281	8.082.957.156

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty liên doanh, liên kết như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.963.167.859	1.841.150.878
Doanh thu cho thuê	1.012.317.569	139.696.000
Cho vay	-	2.000.000.000
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng		
Chi phí dịch vụ khác	11.525.696.724	6.590.319.379

5.2.3 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác:

	30/06/2024			01/01/2024		
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	3.600.000.000	-	(*)	3.600.000.000	-	(*)
Công ty Cổ phần Phong Việt	1.000.000.000	-	(*)	1.000.000.000	-	(*)
	4.600.000.000	-		4.600.000.000	-	

(*) Tại ngày báo cáo, Tổng Công ty không có thông tin về giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải thu bên liên quan		
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	4.407.102.436	3.384.812.951
Phải thu các khách hàng khác		
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Thương mại Thanh Quang	20.794.459.109	32.121.622.351
Lever Style Limited	10.055.110.019	9.345.415.904
Công ty TNHH MTV Dệt Kim Đông Phương	14.067.078.547	14.897.511.904
Các khách hàng khác	155.058.666.046	131.544.318.872
	204.382.416.157	191.293.681.982

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.4 Phải thu ngắn hạn, dài hạn khác**5.4.1 Phải thu ngắn hạn khác**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu bên liên quan				
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I				
- Phải thu về cổ tức	1.130.922.000	(1.130.922.000)	1.130.922.000	(1.130.922.000)
- Phải thu khác	15.602.597	-	127.704.936	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng				
- Phải thu về cổ tức	-	-	157.500.000	-
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Tạm ứng	380.849.824	-	-	-
Lãi tiền gửi phải thu	10.421.732	-	2.294.507.918	-
Phải thu về cổ tức	1.080.000.000	-	1.080.000.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	1.055.309.747	-	2.260.225.665	-
	3.673.105.900	(1.130.922.000)	7.050.860.519	(1.130.922.000)

5.4.2 Phải thu dài hạn khác

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu tổ chức và cá nhân khác				
Các khoản ký cược, ký quỹ	110.000.000	-	100.000.000	-
	110.000.000	-	100.000.000	-

5.5 Nợ quá hạn

	Thời gian quá hạn	30/06/2024		Thời gian quá hạn	01/01/2024	
		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND		Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Phải thu thương mại						
Các đối tượng khác						
Công ty TNHH Thương mại Phó Nghiệp Thành	> 3 năm	7.854.352.473	-	> 3 năm	7.854.352.473	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Đoàn Kết	> 3 năm	273.667.757	-	> 3 năm	273.667.757	-
Phải thu khác - Bên liên quan						
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I	> 3 năm	1.130.922.000	-	> 3 năm	1.130.922.000	-
		9.258.942.230	-		9.258.942.230	-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tại ngày đầu kỳ	9.258.942.230	9.258.942.230
Trích lập, (hoàn nhập) dự phòng trong kỳ	-	-
Tại ngày cuối kỳ	9.258.942.230	9.258.942.230

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.6 Hàng tồn kho

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	2.930.535.195	-	3.016.430.729	-
Nguyên vật liệu	228.798.741.571	(3.603.229.332)	172.403.617.469	(3.603.229.332)
Công cụ và dụng cụ	123.178.270	-	114.871.822	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	69.105.521.478	-	74.785.786.469	-
Thành phẩm	255.993.660.414	(5.016.612.431)	241.726.522.715	(5.016.612.431)
Hàng hóa	51.392.003	-	18.761.318	-
Hàng gửi đi bán	2.673.648.372	-	3.137.196.969	-
	559.676.677.303	(8.619.841.763)	495.203.187.491	(8.619.841.763)

Giá trị hàng tồn kho đã được sử dụng để thế chấp cho các khoản vay tại ngân hàng là 158.646.892.175 VND – Xem thêm mục 5.15.1.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tại ngày đầu kỳ	8.619.841.763	12.637.087.434
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	1.356.635.371
Tại ngày cuối kỳ	8.619.841.763	13.993.722.805

5.7 Chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn**5.7.1 Chi phí trả trước ngắn hạn**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tiền thuê đất, thuê đất	11.944.375.966	-
Bảo hiểm rủi ro tài sản	562.199.420	-
Công cụ, dụng cụ	470.776.337	2.045.908.385
Chi phí khác	2.314.284	875.838.467
	12.979.666.007	2.921.746.852

5.7.2 Chi phí trả trước dài hạn

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Công cụ, dụng cụ	21.729.153.049	16.935.369.005
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	636.534.442	108.624.999
Chi phí khác	2.342.736.097	3.419.724.444
	24.708.423.588	20.463.718.448

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.8 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị quản lý VND	Cộng VND
Nguyên giá					
Tại ngày 01/01/2024	244.158.218.764	1.426.169.168.654	16.814.424.852	1.252.057.774	1.688.393.870.044
Tăng trong kỳ	256.770.000	44.321.240.555	-	222.860.000	44.800.870.555
Thanh lý trong kỳ	(1.018.563.420)	(6.262.814.859)	-	-	(7.281.378.279)
Tại ngày 30/06/2024	243.396.425.344	1.464.227.594.350	16.814.424.852	1.474.917.774	1.725.913.362.320
Giá trị hao mòn lũy kế					
Tại ngày 01/01/2024	173.164.338.423	1.134.580.556.995	11.712.890.048	902.887.697	1.320.360.673.163
Khấu hao trong kỳ	4.545.341.269	43.294.186.590	768.857.784	94.963.578	48.703.349.221
Thanh lý trong kỳ	(1.018.563.420)	(6.262.814.859)	-	-	(7.281.378.279)
Tại ngày 30/06/2024	176.691.116.272	1.171.611.928.726	12.481.747.832	997.851.275	1.361.782.644.105
Giá trị còn lại					
Tại ngày 01/01/2024	70.993.880.341	291.588.611.659	5.101.534.804	349.170.077	368.033.196.881
Tại ngày 30/06/2024	66.705.309.072	292.615.665.624	4.332.677.020	477.066.499	364.130.718.215

- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 686.027.167.974 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 667.112.806.080 VND).
- Tại ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị còn lại của một số tài sản cố định hữu hình dùng để thế chấp đảm bảo cho các khoản vay là 269.800.148.434 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 247.838.872.288 VND).

5.9 Tình hình tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	1.721.142.808
Tăng trong kỳ	-
Tại ngày 30/06/2024	1.721.142.808
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	1.256.046.808
Khấu hao trong kỳ	58.137.000
Tại ngày 30/06/2024	1.314.183.808
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	465.096.000
Tại ngày 30/06/2024	406.959.000
<i>Nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng:</i>	
Tại ngày 01/01/2024	1.139.772.808
Tại ngày 30/06/2024	1.139.772.808

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.10 Tình hình tăng, giảm bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Tại ngày 01/01/2024	99.345.324.219
Tăng từ XDCB	1.299.834.550
Tại ngày 30/06/2024	100.645.158.769
Giá trị hao mòn lũy kế	
Tại ngày 01/01/2024	59.206.852.910
Khấu hao trong kỳ	2.219.376.669
Tại ngày 30/06/2024	61.426.229.579
Giá trị còn lại	
Tại ngày 01/01/2024	40.138.471.309
Tại ngày 30/06/2024	39.218.929.190

Nguyên giá bất động sản đầu tư đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê:

Tại ngày 01/01/2024	36.304.849.375
Tại ngày 30/06/2024	36.304.849.375

Theo quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày lập báo cáo cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư cho thuê bởi vì không có một giao dịch gần đây trên thị trường cho bất động sản tương tự và nằm cùng địa điểm với bất động sản đầu tư của Tổng Công ty và không có thị trường hoạt động cho loại bất động sản đầu tư này.

Thu nhập và chi phí liên quan đến cho thuê bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Thu nhập từ việc cho thuê	17.601.363.336	19.285.548.596
Chi phí trực tiếp liên quan đến việc tạo ra thu nhập từ việc cho thuê	4.537.102.839	3.869.328.579

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.11 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	01/01/2024	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào BĐS đầu tư trong kỳ	Kết chuyển khác trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Mua sắm tài sản cố định						
- Máy dệt vải	36.083.957.530	411.349.138	(36.495.306.668)	-	-	-
- Máy nén khí trục vít dầu	-	5.045.107.019	(5.045.107.019)	-	-	-
- Máy ghép Hubei	-	1.741.172.468	(1.741.172.468)	-	-	-
- Tài sản khác	-	1.961.553.940	(1.037.514.400)	-	-	924.039.540
Xây dựng cơ bản						
- Nâng cấp hệ thống vận chuyển búp sợi thô tự động	1.379.973.180	-	-	-	-	1.379.973.180
- Cải tạo nhà xưởng, văn phòng, nhà kho	-	1.299.834.550	-	(1.299.834.550)	-	-
- Tháo dỡ xưởng máy hồ và xây xưởng mới	-	1.405.957.724	-	-	-	1.405.957.724
- Công trình khác	1.319.126.445	256.770.000	(256.770.000)	-	(1.319.126.445)	-
	38.783.057.155	12.121.744.839	(44.575.870.555)	(1.299.834.550)	(1.319.126.445)	3.709.970.444

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn, dài hạn**5.12.1 Phải trả người bán ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Bên liên quan				
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng	14.514.226.913	14.514.226.913	10.991.474.450	10.991.474.450
Các tổ chức và cá nhân khác				
Cotonificio Albini S.P.A	33.580.221.746	33.580.221.746	22.989.587.287	22.989.587.287
Công ty TNHH Dệt Việt Phú	-	-	19.513.002.417	19.513.002.417
Olimpas Group SRL	9.379.156.225	9.379.156.225	11.903.945.738	11.903.945.738
Lever Style Limited	17.114.335.270	17.114.335.270	12.660.743.632	12.660.743.632
Kangwal Polyester Co.,Ltd	13.156.626.698	13.156.626.698	2.491.842.929	2.491.842.929
Các nhà cung cấp khác	46.057.592.033	46.057.592.033	59.257.691.527	59.257.691.527
	133.802.158.885	133.802.158.885	139.808.287.980	139.808.287.980

5.12.2 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.13 Thuế và các khoản phải nộp, (phải thu) Nhà nước

	01/01/2024		Số phát sinh trong kỳ		30/06/2024	
	Phải nộp VND	Phải thu VND	Số phải nộp / đã hoàn VND	Số đã nộp VND	Phải nộp VND	Phải thu VND
Thuế GTGT	-	(29.160)	21.941.326.420	(19.990.675.050)	1.950.622.210	-
Thuế XNK	-	-	195.475.903	(195.475.903)	-	-
Thuế TNDN	1.233.339.636	(1.096.538.242)	2.890.195.590	(1.353.544.119)	1.729.914.715	(56.461.850)
Thuế thu nhập cá nhân	362.958.782	-	1.014.635.884	(1.260.672.145)	116.922.521	-
Thuế tài nguyên	1.316.560	-	14.956.480	(13.923.840)	2.349.200	-
Tiền thuê đất	-	(4.334.768.150)	24.583.046.884	(12.039.982.333)	11.848.769.629	(3.640.473.228)
Thuế khác	-	-	287.136.735	(235.729.173)	51.407.562	-
	1.597.614.978	(5.431.335.552)	50.926.773.896	(35.090.002.563)	15.699.985.837	(3.696.935.078)

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng là 10% đối với hoạt động chính, là 5% với hoạt động khác, là 0% với mặt hàng xuất khẩu, và không thuế suất đối với hoạt động không chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tổng Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Các loại thuế khác

Các công ty trong Tổng Công ty kê khai và nộp theo quy định.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.14 Phải trả ngắn hạn, dài hạn khác**5.14.1 Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả bên liên quan		
Tập đoàn Dệt May Việt Nam – Cổ tức	9.855.000.000	-
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Kinh phí công đoàn	1.618.998.971	1.493.000.951
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.379.277.913	679.035.439
Cổ tức phải trả	11.550.345.000	405.345.000
Các khoản tài trợ thương mại từ ngân hàng (*)	15.078.675.865	135.911.850.561
Các khoản phải trả khác	875.712.368	1.532.524.435
	40.358.010.117	140.021.756.386

(*) Đây là số tiền phải trả cho Thư tín dụng trả chậm có thể thanh toán ngay (UPAS/LC) cung cấp bởi các ngân hàng với kỳ hạn trả chậm là 180 ngày.

5.14.2 Phải trả dài hạn khác

	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Phải trả tổ chức và cá nhân khác		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	8.802.855.318	7.241.055.318
Các khoản phải trả khác	20.000.000.000	20.000.000.000
	28.802.855.318	27.241.055.318

5.14.3 Nợ quá hạn chưa thanh toán

Tổng Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

5.15 Vay ngắn hạn, dài hạn**5.15.1 Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn bên liên quan				
Ông Lê Nguyên Ngọc (*)	1.677.358.219	1.677.358.219	-	-
Vay ngắn hạn các cá nhân và các tổ chức khác				
Vay ngắn hạn cá nhân (*)	4.000.000.000	4.000.000.000	-	-
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	491.078.995.755	491.078.995.755	428.760.335.691	428.760.335.691
Nợ vay dài hạn đến hạn trả - Xem thêm mục 5.15.2	28.301.803.462	28.301.803.462	34.383.999.231	34.383.999.231
	525.058.157.436	525.058.157.436	463.144.334.922	463.144.334.922

TÓNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

(*) Chi tiết phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	01/01/2024	Vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND
Vay ngắn hạn – Cá nhân				
Ông Lê Nguyên Ngọc	-	2.027.358.219	(350.000.000)	1.677.358.219
Ông Hà Quang Luật	-	4.000.000.000	-	4.000.000.000
Vay ngắn hạn – Ngân hàng				
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	274.424.674.773	180.530.465.875	(270.679.565.709)	184.275.574.939
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	95.242.508.045	162.061.595.497	(100.237.640.112)	157.066.463.430
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	59.093.152.873	65.602.052.463	(75.649.021.351)	49.046.183.985
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	66.168.668.898	-	66.168.668.898
Ngân hàng SINOPAC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	-	61.498.179.237	(26.976.074.734)	34.522.104.503
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam - Chi nhánh Cộng Hòa (Thành phố Hà Nội)	-	2.929.855.954	(2.929.855.954)	-
	428.760.335.691	544.818.176.143	(476.822.157.860)	496.756.353.974

(*) Thông tin về số dư các khoản vay ngắn hạn, chi tiết như sau:

	Thời hạn	Mục đích vay	Lãi suất năm	30/06/2024	01/01/2024
				VND	VND
Ông Lê Nguyên Ngọc (1)	01 tháng	Trả lương cho cán bộ công nhân viên tháng 05 năm 2024	12%	1.677.358.219	-
Ông Hà Quang Luật (2)	01 tháng	Trả lương cho cán bộ công nhân viên tháng 05 năm 2024	12%	4.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	06 - 09 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,0% – 7,5%	184.275.574.939	274.424.674.773
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	12 tháng	Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,5%	49.046.183.985	59.093.152.873
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (5)	06 tháng	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	5,3% – 5,5%	66.168.668.898	-
Ngân hàng SINOPAC – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	06 tháng	Tài trợ nhu cầu phát hành thư tín dụng (LC) trả ngay và trả chậm của bên vay và các nhu cầu vốn lưu động để mua sắm nguyên vật liệu, trang thiết bị,...	7,13%	34.522.104.503	-

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Thời hạn	Mục đích vay	Lãi suất năm	30/06/2024	01/01/2024
				VND	VND
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (6)	06 tháng	Bổ sung vốn lưu động, phát hành tín dụng chứng từ (LC) phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh dệt may	5,1% – 5,3%	157.066.463.430	95.242.508.045
				496.756.353.974	428.760.335.691

- (1) & (2) Khoản vay này không có tài sản đảm bảo.
(3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 31.132.528.473 VND (tại ngày 01/01/2024: 98.474.624.827 VND).
(4) Khoản vay này được đảm bảo bằng hàng tồn kho, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn và các hợp đồng thuê đất của Công ty Cổ phần may Việt Thắng.
(5) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 3.634.193.965 VND (tại ngày 01/01/2024: 0 VND).
(6) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 9.328.597.658 VND (tại ngày 01/01/2024: 19.593.249.661 VND).

5.15.2 Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	30/06/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay dài hạn phải trả các tổ chức khác				
Vay dài hạn	98.185.731.978	98.185.731.978	111.458.449.009	111.458.449.009
Nợ vay dài hạn đến hạn trả	(28.301.803.462)	(28.301.803.462)	(34.383.999.231)	(34.383.999.231)
	69.883.928.516	69.883.928.516	77.074.449.778	77.074.449.778

Chi tiết phát sinh về các khoản vay dài hạn và nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	01/01/2024	Vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn						
Vay USD						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.216.262.520	-	-	(742.728.000)	81.929.718	555.464.238
Vay VND						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	24.126.687.620	3.460.504.132	-	(4.000.000.000)	-	23.587.191.752
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	4.053.967.245	-	-	(752.305.072)	-	3.301.662.173
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	17.546.245.565	-	-	(5.237.922.040)	-	12.308.323.525
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	30.131.286.828	-	-	-	-	30.131.286.828
	77.074.449.778	3.460.504.132	-	(10.732.955.112)	81.929.718	69.883.928.516

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chi tiết phát sinh về các khoản nợ dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	01/01/2024	Vay trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Chuyển từ nợ dài hạn đến hạn trả	Chênh lệch tỷ giá	30/06/2024
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nợ dài hạn đến hạn trả						
Vay USD						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	15.593.373.418	-	(7.996.260.000)	742.728.000	284.024.391	8.623.865.809
Vay VND						
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	11.300.000.000	-	(4.900.000.000)	4.000.000.000	-	10.400.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	2.380.523.304	-	(1.190.259.072)	752.305.072	-	1.942.569.304
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	3.800.046.560	-	(3.012.656.200)	5.237.922.040	-	6.025.312.400
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh	1.310.055.949	-	-	-	-	1.310.055.949
	34.383.999.231	-	(17.099.175.272)	10.732.955.112	284.024.391	28.301.803.462

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Chi tiết của các khoản vay dài hạn như sau:

	Thời hạn Năm	Mục đích vay	Lãi suất năm	30/06/2024	01/01/2024
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	8,39 – 8,71%	9.179.330.047	16.809.635.938
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (1)	05 – 08	Đầu tư thay thế, bổ sung máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; thanh toán các chi phí hợp lý, hợp lệ và hợp pháp liên quan đến việc đầu tư thực hiện dự án không bao gồm lãi nhập gốc. Thanh toán bù đắp các chi phí đầu tư hợp pháp mà khách hàng đã thanh toán vượt phần vốn tự có phải góp theo quyết định đầu tư đối với dự án	7,4%	33.987.191.752	35.426.687.620
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	05	Đầu tư tài sản bổ sung các máy móc thiết bị	7,5%	5.244.231.477	6.434.490.549
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (3)	07	Đầu tư thiết bị hoàn thiện vải dệt kim	8,9%	31.441.342.777	31.441.342.777
Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (4)	05	Phát hành tín dụng chứng từ trả ngay L/C và tài trợ vốn hoàn vốn tự có để thực hiện dự án đầu tư bổ sung máy móc thiết bị của nhà máy sợi	7,7%	18.333.635.925	21.346.292.125
Trừ nợ dài hạn đến hạn trả					
Vay USD					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh			Lãi suất năm		
			8,39 – 8,71%	(8.623.865.809)	(15.593.373.418)
Vay VND					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh					
Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh					
			7,4%	(10.400.000.000)	(11.300.000.000)
			7,5 – 8,9%	(3.252.625.253)	(3.690.579.253)
			7,7%	(6.025.312.400)	(3.800.046.560)
				69.883.928.516	77.074.449.778

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

Vay và nợ thuế tài chính dài hạn (tiếp theo)

- (1) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 102.600.883.884 VND (tại 01/01/2024: 10.958.177.553 VND).
- (2) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 13.142.796.657 VND (tại 01/01/2024: 17.531.336.434 VND).
- (3) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 75.429.599.980 VND (tại 01/01/2024: 66.449.174.271 VND).
- (4) Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại tại ngày 30/06/2024: 34.531.547.817 VND (tại 01/01/2024: 34.798.655.702 VND).

5.16 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

5.16.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Cộng VND
Số dư 01/01/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	287.862.428.775	62.028.185.627	621.995.800.660
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.682.557.503	(307.787.122)	3.374.770.381
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(5.010.732.632)	(350.207.756)	(5.360.940.388)
Chia cổ tức	-	-	-	(52.500.000.000)	(954.625.000)	(53.454.625.000)
Số dư 30/06/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	234.034.253.646	60.415.565.749	566.555.005.653
Số dư 01/07/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	234.034.253.646	60.415.565.749	566.555.005.653
Lãi trong kỳ	-	-	-	8.396.718.568	914.183.270	9.310.901.838
Số dư 31/12/2023	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	242.430.972.214	61.329.749.019	575.865.907.491
Số dư 01/01/2024	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	242.430.972.214	61.329.749.019	575.865.907.491
Lãi trong kỳ	-	-	-	3.830.237.696	(860.747.784)	2.969.489.912
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	(373.786.437)	-	(373.786.437)
Chia cổ tức	-	-	-	(21.000.000.000)	(954.625.000)	(21.954.625.000)
Số dư 30/06/2024	210.000.000.000	3.062.727.273	59.042.458.985	224.887.423.473	59.514.376.235	556.506.985.966

TỔNG CÔNG TY VIỆT THĂNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

5.16.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301445210, đăng ký lần đầu ngày 08 tháng 02 năm 2007 và các lần đăng ký thay đổi với lần thay đổi gần nhất là lần thứ 9 ngày 09 tháng 09 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, vốn điều lệ của Công ty mẹ là 210.000.000.000 VND. Đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 các cổ đông Công ty mẹ đã góp đủ vốn.

	30/06/2024			01/01/2024		
	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ	Cổ phiếu	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Dệt May Việt Nam	9.855.000	98.550.000.000	46,93%	9.855.000	98.550.000.000	46,93%
Cổ đông khác	11.145.000	111.450.000.000	53,07%	11.145.000	111.450.000.000	53,07%
	21.000.000	210.000.000.000	100,00%	21.000.000	210.000.000.000	100,00%

5.16.3 Cổ phiếu

	30/06/2024	01/01/2024
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	21.000.000	21.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
• Cổ phiếu phổ thông	-	-
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	21.000.000	21.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ cổ phiếu.

5.16.4 Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ, Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024 số 63/NQĐHCĐ-TVT ngày 09 tháng 05 năm 2024 như sau:

	VND
• Trích quỹ phúc lợi và khen thưởng	373.786.437
• Chia cổ tức	21.000.000.000
	21.373.786.437

5.17 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ	30/06/2024	01/01/2024
Đô la Mỹ (USD)	438.388,12	947.717,48

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu bán thành phẩm	705.779.192.526	650.993.232.513
Doanh thu bán hàng hóa	5.162.303.054	63.851.259.266
Doanh thu cung cấp dịch vụ	35.940.263.632	30.728.834.158
Doanh thu bán phế liệu	11.748.154.243	18.586.397.701
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	17.601.363.336	19.285.548.596
	776.231.276.791	783.445.272.234
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Chiết khấu thương mại	(14.268.099)	(70.024.008)
Hàng bán bị trả lại	-	(1.001.813.643)
Doanh thu thuần	776.217.008.692	782.373.434.583

Trong đó doanh thu với các bên liên quan:

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Công ty TNHH Việt Thắng - Luch I		
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	1.963.167.859	1.841.150.878
- Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.012.317.569	139.696.000

6.2 Giá vốn hàng bán

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn thành phẩm	635.792.899.784	605.648.104.580
Giá vốn hàng hóa	4.659.576.900	63.342.215.462
Giá vốn cung cấp dịch vụ	31.249.263.370	23.287.198.533
Giá vốn phế liệu	10.646.443.315	16.668.868.978
Giá vốn bất động sản đầu tư cho thuê	4.537.102.839	3.869.328.579
Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	1.356.635.371
	686.885.286.208	714.172.351.503

6.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền lãi chậm thanh toán	136.296.140	386.656.365
Lãi tiền gửi ngân hàng, cho vay	1.686.875.141	9.017.857.354
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.222.201.902	3.794.712.746
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	-	435.572.011
	4.045.373.183	13.634.798.476

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

6.4 Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí lãi vay	16.686.832.859	23.931.680.180
Lỗi chênh lệch tỷ giá	4.451.030.332	2.334.097.790
Lỗi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục có số dư ngoại tệ	1.582.302.011	-
	<u>22.720.165.202</u>	<u>26.265.777.970</u>

6.5 Chi phí bán hàng

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	1.131.529.420	1.300.017.124
Chi phí hoa hồng	2.064.742.776	3.320.232.954
Cước vận chuyển	1.389.381.358	938.999.114
Chi phí bán hàng khác	3.172.685.909	2.466.122.541
	<u>7.758.339.463</u>	<u>8.025.371.733</u>

6.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	31.635.056.641	20.077.536.965
Thuế, tiền thuê đất	7.433.149.107	5.084.312.630
Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	19.601.364.962	18.601.013.302
	<u>58.669.570.710</u>	<u>43.762.862.897</u>

6.7 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	3.830.237.696	3.682.557.503
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty		
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(185.952.589)	(278.952.557)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>3.644.285.107</u>	<u>3.403.604.946</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông của Công ty đang lưu hành bình quân trong kỳ	CP 21.000.000	21.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	<u>VND/CP 174</u>	<u>162</u>

(*) Căn cứ tỷ lệ dự kiến theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 63/NQĐHCĐ-TVT ngày 09 tháng 05 năm 2024, số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dùng để tính chỉ tiêu "Lãi cơ bản trên cổ phiếu" từ ngày 01 tháng 01 năm 2024 đến ngày 30 tháng 06 năm 2024 là 3% trên lợi nhuận sau thuế của báo cáo riêng Công ty mẹ.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

6.8 Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Giá vốn bán hàng hóa	11.864.452.415	66.213.733.795
Chi phí nguyên vật liệu	433.092.724.261	439.711.230.526
Chi phí nhân công	112.438.086.872	106.355.561.365
Chi phí khấu hao tài sản cố định	50.980.862.890	49.462.219.458
Chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí khác	151.992.155.267	192.816.198.165
	760.368.281.705	854.558.943.309

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**7.1 Tiền thu từ đi vay**

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	548.278.680.275	489.879.468.118
	548.278.680.275	489.879.468.118

7.2 Tiền trả nợ gốc vay

	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	493.921.333.132	851.760.139.938
	493.921.333.132	851.760.139.938

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP
 127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

8. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

	Việt Nam		Nước ngoài		Tổng	
	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND	Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Doanh thu bán ra bên ngoài	507.152.020.509	738.387.230.666	269.064.988.183	43.986.203.917	776.217.008.692	782.373.434.583
Chi tiêu vốn	12.346.744.839	5.362.514.160	-	-	12.346.744.839	5.362.514.160
	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024	30/06/2024	01/01/2024
Tài sản của bộ phận	1.404.128.132.070	1.456.299.937.669	-	-	1.404.128.132.070	1.456.299.937.669

9. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Tổng Công ty có các tài sản tài chính như các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tổng Công ty. Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty chủ yếu bao gồm các khoản nợ vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Tổng Công ty.

Tổng Công ty chịu rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nhiệm vụ quản lý rủi ro là nhiệm vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty. Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức độ hợp lý giữa chi phí khi rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro nhằm đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Tổng Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro ngoại tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần.

ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tổng Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tổng Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Tổng Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Tổng Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tổng Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tổng Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Tổng Công ty theo chính sách của Tổng Công ty. Tổng Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá rằng tất cả các tài sản tài chính đều trong hạn và không bị suy giảm ngoại trừ các khoản phải thu được trình bày tại thuyết minh số 5.5 và khoản đầu tư được trình bày tại mục 5.2.

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

iii. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Tổng Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tổng Công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ phải trả tài chính và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận trên cơ sở dòng tiền chưa được chiết khấu theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả:

	Dưới 1 năm VND	Trên 1 năm VND	Tổng cộng VND
Ngày 30 tháng 06 năm 2024			
Các khoản vay	525.058.157.436	69.883.928.516	594.942.085.952
Phải trả người bán	133.802.158.885	-	133.802.158.885
Chi phí phải trả	4.260.918.729	-	4.260.918.729
Các khoản phải trả, phải nộp khác	37.359.733.233	28.802.855.318	66.162.588.551
	700.480.968.283	98.686.783.834	799.167.752.117
Ngày 01 tháng 01 năm 2024			
Các khoản vay	463.144.334.922	77.074.449.778	540.218.784.700
Phải trả người bán	139.808.287.980	-	139.808.287.980
Chi phí phải trả	4.701.945.487	-	4.701.945.487
Các khoản phải trả, phải nộp khác	137.849.719.996	27.241.055.318	165.090.775.314
	745.504.288.385	104.315.505.096	849.819.793.481

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Vào ngày 30 tháng 06 năm 2024:

- Tổng Công ty đang thế chấp tài sản cố định, hàng tồn kho, tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn của mình để đảm bảo cho khoản vay – xem mục 5.2 ; 5.6 ; 5.8; và
- Tổng Công ty có nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác là tiền nhận đặt cọc có tổng giá trị là 8.802.855.318 VND.

iv. Giá trị hợp lý

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty:

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Tài sản tài chính				
Phải thu khách hàng	196.254.395.927	183.165.661.752	196.254.395.927	183.165.661.752
Phải thu khác	1.910.491.055	5.768.135.666	1.910.491.055	5.768.135.666
Các khoản đầu tư, cho vay	31.600.000.000	115.600.000.000	31.600.000.000	115.600.000.000
Tiền và các khoản tương đương tiền	143.887.477.561	156.362.612.466	143.887.477.561	156.362.612.466
	373.652.364.543	460.896.409.884	373.652.364.543	460.896.409.884

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND	30/06/2024 VND	01/01/2024 VND
Nợ phải trả tài chính				
Các khoản vay	594.942.085.952	540.218.784.700	594.942.085.952	540.218.784.700
Phải trả người bán	133.802.158.885	139.808.287.980	133.802.158.885	139.808.287.980
Chi phí phải trả	4.260.918.729	4.701.945.487	4.260.918.729	4.701.945.487
Các khoản phải trả khác	66.162.588.551	165.090.775.314	66.162.588.551	165.090.775.314
	799.167.752.117	849.819.793.481	799.167.752.117	849.819.793.481

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tổng Công ty chưa đánh giá lại các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính theo giá trị hợp lý do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý. Vào ngày 01 tháng 01 năm 2024 và ngày 30 tháng 06 năm 2024, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tương ứng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này. Ban Tổng Giám đốc cho rằng giá trị hợp lý của những tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có chênh lệch trọng yếu với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc kỳ tài chính.

10. CÁC THÔNG TIN KHÁC**10.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tổng Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

10.1.1 Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tổng Công ty không phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tiền lương và các khoản thu nhập khác			
Hội đồng Quản trị	Chức vụ		
Ông Lê Tiến Trường	Chủ tịch HĐQT	62.000.000	55.934.000
Ông Nguyễn Đức Khiêm	Phó Chủ tịch HĐQT	446.137.000	481.184.818
Ông Nguyễn Quang Minh	Thành viên	49.000.000	36.000.000
Ông Điều Chí Hào	Thành viên	46.000.000	42.090.000
Ông Nguyễn Ngọc Bình	Thành viên	46.000.000	39.966.000

TỔNG CÔNG TY VIỆT THẮNG - CTCP

127 Lê Văn Chí, Phường Linh Trung, Thành Phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ tài chính 06 tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 06 năm 2024

		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Ban Kiểm soát	Chức vụ		
Bà Vũ Thị Thùy Dương	Trưởng ban	46.000.000	43.366.000
Ông Nguyễn Đức Lợi	Thành viên	123.591.000	127.296.087
Bà Đào Thị Nội	Thành viên	136.104.647	128.964.708
Ban Quản lý điều hành	Chức vụ		
Ông Nguyễn Quang Minh	Tổng Giám đốc	463.841.288	484.487.591
Ông Lê Nguyễn Ngọc	Tổng Giám đốc	269.425.922	267.013.288
Ông Đậu Phi Quyết	Phó Tổng Giám đốc	338.589.391	350.100.455
Ông Bùi Đăng Hoàn	Giám đốc điều hành	260.150.400	278.648.001
Ông Diệp Quốc Bình	Kế toán trưởng	329.539.136	346.725.513

10.1.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài các giao dịch phát sinh đã được trình bày tại mục 6.1, giữa Tổng Công ty với các bên liên quan còn có các giao dịch như sau:


		Từ 01/01/2024 đến 30/06/2024 VND	Từ 01/01/2023 đến 30/06/2023 VND
Tập đoàn Dệt May Việt Nam			
Chia cổ tức		9.855.000.000	24.637.500.000
Công ty TNHH Việt Thắng Luch I			
Cho vay		-	2.000.000.000
Thu tiền cho vay		2.000.000.000	-
Công ty TNHH Thời trang Hiệp Thắng			
Chi phí dịch vụ khác		11.525.696.724	6.590.319.379


Công nợ với các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày trong các thuyết minh ở Mục 5.3, 5.4, 5.12, 5.14 và 5.15.

10.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ tài chính đưa đến yêu cầu phải điều chỉnh hoặc công bố trong thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.


HOÀNG THỊ THUÝ VÂN
Người lập


DIỆP QUỐC BÌNH
Kế toán trưởng


NGUYỄN QUANG MINH
Tổng Giám đốc
TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 08 năm 2024

